

ĐỀ LUYỆN ONLINE SỐ 16 – LỚP LUYỆN ĐỀ THỨ 2

Câu 1. Vị ngữ của câu: “Trời xuân chỉ hơi lạnh một chút vừa đủ để giữ một vệt sương mỏng như chiếc khăn voan vắt hờ hững trên sườn đồi.” (Ngô Quân Miện) là gì?

- A. Chỉ hơi lạnh một chút vừa đủ để giữ một vệt sương mỏng như chiếc khăn voan vắt hờ hững trên sườn đồi
- B. Mỏng như chiếc khăn voan vắt hờ hững trên sườn đồi
- C. Vắt hờ hững trên sườn đồi
- D. Giữ một vệt sương mỏng như chiếc khăn voan vắt hờ hững trên sườn đồi

Câu 2. Dựa vào cấu tạo, hãy chia các từ sau thành hai nhóm:

Bình tĩnh, bất bình, bình bầu, bình bạch, thơ thần, câu kinh, cốt kết

- A. Từ láy: bình bạch, thơ thần
Từ ghép: bình tĩnh, bất bình, câu kinh, cốt kết, bình bầu
- B. Từ láy: bình tĩnh, bất bình, bình bầu, bình bạch, thơ thần
Từ ghép: câu kinh, cốt kết
- C. Từ láy: câu kinh, cốt kết, thơ thần
Từ ghép: Bình tĩnh, bất bình, bình bầu, bình bạch
- D. Từ láy: bình bạch, thơ thần, câu kinh, cốt kết
Từ ghép: bình tĩnh, bất bình, bình bầu

Câu 3. Nguyễn Văn Huyền từng viết: “Niềm tự hào chính đáng của chúng ta trong hóa Đông Sơn chính là bộ sưu tập trống đồng hết sức phong phú”. Theo em, vì sao tác giả lại nói như vậy?

- A. Vì trống đồng phản ánh trình độ văn minh của người Việt cổ xưa.
- B. Vì trống đồng là minh chứng cho thấy dân tộc ta có nền văn hóa lâu đời.
- C. Vì trống đồng là một di sản văn hóa được cả thế giới ngưỡng mộ.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4. Điền vế câu thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu ghép: “Tuy tuyết đã phủ kín con đường...”

- A. Nhưng mùa đông năm nay lại lạnh hơn
- B. Nên lũ trẻ vẫn tung tăng đến trường
- C. Nhưng người làng vẫn nô nức kéo nhau xuống chợ huyện
- D. Thì những đứa trẻ sẽ đi đến trường

Câu 5. Cặp từ nào dưới đây thích hợp để điền vào chỗ trống trong thành ngữ: “Ăn... nói...” để tạo thành thành ngữ giống nghĩa với “Thẳng như ruột ngựa”?

- A. Gian - dối B. Thật – thà C. Ngay - thẳng D. Cả B và C

Câu 6. Có bao nhiêu động từ trong câu: “Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên trên biển múa vui.” (Vũ Tú Nam)?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 7. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

“... như con tàu
Neo trên mặt nước
Sóng lớn gió to
Không làm đắm được.
Cũng rùng cây bãi cát
Cũng giềng nước cửa nhà
... như làng của bé
Từ đất liền trôi ra”

(Vũ Duy Thông)

- A. Thuyền B. Đảo C. Bè D. Trái đất

Câu 8. Câu: “Con đưa cho bố cuốn sách.” sẽ là kiểu câu khiến trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Đây là câu mẹ nói với con. B. Đây là câu bố nói với bà.
C. Đây là câu con nói với mẹ. D. Đây là câu mẹ nói với bà.

Câu 9. Nhận định nào dưới đây đúng với từ “như” trong câu: “Đây là một con đường nhỏ hẹp quanh co, uốn khúc chạy xuống ngọn đồi trải dài - xuyên qua khu rừng nhà ông Bell, nơi ánh sáng xuyên qua những tán lá xanh biếc hoàn hảo như tâm một viên kim cương.” (L. M. Montgomery)?

- A. Đó là quan hệ từ biểu thị quan hệ so sánh.
B. Đó không phải là một kết từ.
C. Đó là một quan hệ từ giúp nối từ với từ.

Câu 10. Bài tập đọc “Một con người chính trực” có đoạn kể: Tô Hiến Thành không tiến cử Vũ Tán Đường - người ngày đêm hầu hạ bên giường bệnh của mình làm người đứng đầu triều đình thay ông mà lại cử Trần Trung Tá - một người tài ba có thể giúp nước.

Điều đó cho ta biết Tô Hiến Thành là người như thế nào?

- A. Tô Hiến Thành là người chính trực, luôn đặt lợi ích của đất nước lên trên hết.
B. Tô Hiến Thành là người công tư phân minh.
C. Cả A và B

Câu 11. Bài thơ là một bức hoạ ẩn tượng về khung cảnh hùng vĩ và nên thơ của vùng rừng núi phía bắc của Tổ quốc. Đó là bài thơ nào, do ai sáng tác?

- A. *Bè xuôi sông La* - Phạm Duy Thông

- B. *Dòng sông mặc áo* - Nguyễn Trọng Tạo
C. *Trước cổng trời* - Nguyễn Đình Ảnh
D. *Chợ Tết* - Đoàn Văn Cừ

Câu 12. Từ ngữ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- A. Ngượng ngịu C. Sơ xác
B. Xứ sở D. Chống trái

Câu 13. Câu tục ngữ nào dưới đây không chứa cặp từ trái nghĩa?

- A. Lá lành đùm lá rách.
B. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
C. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.
D. Trâu buộc ghét trâu ăn.

Câu 14. Từ nào dưới đây có tiếng “công” mang nghĩa là “của nhà nước, của chung”

- A. Công lí C. Công viên
B. Công bằng D. Công tâm

Câu 15. Từ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

- A. Vi vu C. Vo ve
B. Vi vút D. Vung vẩy

Câu 16. Từ “mỏng mảnh” trong câu: “Buổi trưa ngồi trong nhà nhìn ra sân, thấy rất rõ những sợi không khí nhỏ bé, mỏng mảnh, nhẹ tênh, vòng vèo lượn từ mặt đất bốc lên, bốc lên mãi.” (Băng Sơn) là từ loại nào?

- A. Danh từ C. Tính từ
B. Động từ D. Đại từ

Câu 17. Câu: “Bầu trời mùa hạ xanh biếc, rộng mênh mông, uốn cong cong trên thành phố.” thuộc kiểu câu nào dưới đây?

- A. Kiểu câu *Ai làm gì?*
B. Kiểu câu *Ai thế nào?*
C. Kiểu câu *Ai là gì?*

Câu 18. Vị ngữ của câu: “Những cánh rừng màu ngọc lam đã thay một bộ cánh xanh lá cây sẫm màu rất diêm dúa.” (Sô-lô-khốp) là gì?

- A. Màu ngọc lam.
B. Màu ngọc lam đã thay một bộ cánh xanh lá cây sẫm màu rất diêm dúa.
C. Đã thay một bộ cánh xanh lá cây sẫm màu rất diêm dúa.
D. Rất diêm dúa.

Câu 19. Dòng nào dưới đây chứa toàn các từ ghép cùng kiểu?

- A. Đẹp lão, xinh đẹp, xanh lét, mát lành
B. Xanh tươi, tươi mát, tập tành, mát mẻ
C. Màu sắc, tươi tốt, luyện tập, tốt đẹp

D. Đẹp xinh, đẹp dễ, đẹp lão, lành lặn

Câu 20. Cho các câu sau:

(1) Một bác nông phu tình cờ nhìn thấy cuộc chiến không cân sức ấy đã chạy lại cứu điều hâu.

(2) Một con rắn đã cuốn được mình nó vào quanh cổ điều hâu.

(3) Đúng lúc ấy, từ trên cao, điều hâu lao xuống, dùng chân giật ngay lấy chiếc sừng đã bị bỏ chất độc khỏi tay người đã cứu mình và bay đi giấu nó ở một nơi nào đó không ai có thể tìm thấy.

(4) Con rắn nổi điên lên nhưng không làm sao cắn được bác nông phu liền mò vào chiếc sừng đựng nước uống mà bác vẫn đeo bên lưng và nhả nọc độc vào đó.

(5) Điều hâu cố hết sức, dùng cả mỏ và móng chân nhưng vẫn không chạm được đến rắn mà càng ngày càng bị rắn kẹp chặt.

(6) Xong việc, trên đường trở về nhà, bác nông phu cảm thấy khát nước, bác liền xuống suối dùng sừng lấy nước và chuẩn bị đưa lên miệng uống.

Hãy sắp xếp các câu trên để tạo thành một câu chuyện hoàn chỉnh.

A. (2)-(5)-(1)-(4)-(6)-(3)

B. (1)-(6)-(4)-(2)-(5)-(3)

C. (5)-(2)-(1)-(4)-(6)-(3)

D. (2)-(5)-(1)-(6)-(4)-(3)